TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GIỒNG RIỀNG** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 48/2019/HNGĐ - ST

Ngày: 05 - 7 - 2019

V/v "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG RIỀNG, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Danh Thanh Phát

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Chí Bền

2. Ông Huỳnh Văn Thái

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thái Trang là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa*:* Bà Trần Thúy An - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 7 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 80/2019/TLST - HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình - Ly hôn, nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị K, sinh năm: 1987 (Có mặt).

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn C, sinh năm: 1988 (Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 15/02/2019 và quá trình giải quyết vụ án, chị Nguyễn Thị K là nguyên đơn trình bày:

Chị và anh C kết hôn năm 2008, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang, chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống hằng ngày thường xuyên cự cãi nhau, anh C thiếu tinh thần trách nhiệm với vợ con và thiếu chung thủy trong thời kỳ hôn nhân. Tháng 01 năm 2019, chị và anh C sống ly thân với nhau cho đến nay.

Quá trình sống chung chị và anh C có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 10/5/2009, do chị trực tiếp nuôi dưỡng.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy chị và anh C không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa. Do đó, yêu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Yêu cầu được nuôi cháu Nguyễn Thị Kim D không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con, nếu cháu D có nguyện vọng sống với anh C chị thống nhất giao cho anh C nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Nguyễn Văn C là bị đơn: Không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị K, không cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và của Người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; Ý kiến về việc giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán xác định quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án, xem xét việc thụ lý vụ án, cấp tống đạt, thông báo các văn bản tố tụng và tiến hành thu thập chứng cứ đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Thành phần Hội đồng xét xử, nguyên tắc xét xử, trình tự, thủ tục phiên tòa sơ thẩm đảm bảo tính khách quan. Thư ký đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo Điều 51 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Chị K đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 71 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại Điều 70, Điều 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn C kết hôn có đăng ký kết hôn đúng quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh, chị là hợp pháp theo khoản 1 Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, thiếu quan tâm, chăm sóc nhau nên đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng. Xét thấy, mâu thuẫn đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị K được ly hôn với anh C; Về con chung đề nghị giao cháu Nguyễn Thị Kim D cho chị K tiếp tục nuôi dưỡng;

Về cấp dưỡng nuôi con; Về tài sản chung và nợ chung chị K không yêu cầu giải quyết nên đề nghị Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị K yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con với anh Nguyễn Văn C. Đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Anh Nguyễn Văn C là bị đơn có nơi cư trú tại huyện G, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh C như: Thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh C không nộp văn bản thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện, không nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án, không đến Tòa án để tham gia phiên họp, hòa giải là không thực hiện đúng về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ do chị K giao nộp và do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 96 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Mặt khác, anh C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án xét xử vắng mặt anh C.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn C kết hôn năm 2008 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 13/5/2011 nên quan hệ hôn nhân giữa anh, chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống anh, chị xảy ra những mâu thuẫn nhưng không thể tự hàn gắn được và không còn chung sống với nhau từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay, trong thời gian sống ly thân anh, chị cũng không chủ động gặp nhau hoặc liên hệ với nhau để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, chị K và anh C vi phạm nghiêm trọng về quyền, nghĩa vụ của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Kết quả xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn giữa chị K và anh C tại nơi cư trú do ông Phạm Văn H là Trưởng ấp T, xã P, huyện G, tỉnh Kiên Giang cung cấp: Do anh C thiếu tinh thần trách nhiệm với vợ con.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để giải quyết mâu thuẫn, tạo điều kiện hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không đạt kết quả do anh C vắng mặt. Điều này cho thấy tình cảm vợ chồng đã phai nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chị K yêu cầu ly hôn với anh C là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị K và anh Nguyễn Văn C có một người con chung là cháu Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 10/5/2009, chị K yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung, chị có đủ điều kiện nuôi cháu D nên không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, tại phiên tòa cháu D (trên 7 tuổi) có nguyện vọng được sống với mẹ là chị K. Xét thấy, yêu cầu của chị K phù hợp với nguyện vọng của cháu D và phù hợp theo Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận, giao cháu D cho chị K nuôi dưỡng, anh C không phải cấp dưỡng nuôi con do chị K không yêu cầu. Trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh C.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Nguyễn Thị K không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[3]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 96, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp chận cho chị Nguyễn Thị K được ly hôn với anh Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thị Kim D, sinh ngày 10/5/2009 cho chị Nguyễn Thị K trực tiếp nuôi dưỡng, anh Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con, trừ trường hợp có yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Anh C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được cản trở. Nếu anh C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị K có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con đối với anh C.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị K phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0007493 ngày 22/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Chị K đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị K có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án là ngày 05/7/2019; Anh Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh KG;
-VKS ND huyện GR;
-THA Huyện GR;
-UBND xã;
-Các đương sự;
-Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Đã ký

Danh Thanh Phát